

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1980; cư trú tại: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981; cư trú tại: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Võ Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do mẹ chị mới chết, cha không thương nên chị quen anh T chỉ khoảng 16 ngày thì tổ chức đám cưới năm 1998. Nhưng đến khi con lớn thì mới đăng ký kết hôn ngày 28-11-2005 tại Ủy ban nhân dân xã B (Nay là thị trấn B), huyện C. Sau khi cưới, chị và anh T cất nhà ở riêng trên phần đất do mẹ chồng cho và mua (Cho ở phía trước, còn phía sau thì mua của mẹ chồng). Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 thì anh T có quen và sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nhưng vẫn đi về sống cùng chị, vì thương anh T nên chị chấp nhận. Bản thân người phụ nữ này cũng đã gọi điện thoại thừa nhận với chị. Khoảng

05 tháng trở lại đây, anh T lại tiếp tục quen thêm một người phụ nữ nữa và có qua lại sống với người phụ nữ đó. Việc anh T qua lại, sống chung với người phụ nữ khác chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1999 hiện đã thành niên, lập gia đình nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị N tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Võ Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Hữu T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Võ Thị N là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B (Nay là thị trấn B), huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 28-11-2005. Theo chị N, chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hai bên về chung sống từ năm 1998 nhưng đến năm 2005 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh T có quen với người phụ nữ khác, vì thương anh T nên chị có khuyên ngăn nhưng anh T chẳng những không từ bỏ mà còn tiếp tục quen thêm một người phụ nữ nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị N nêu, nhưng anh T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh T cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân với chị N. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh T và chị N đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị N trình bày, chị và anh T 01 con là Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1999 hiện đã thành niên. Do con đã thành niên nên chị N không yêu cầu giải quyết là phù hợp, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị N là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002569 ngày 05-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị N, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND thị trấn B, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực